

KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 211/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025									Kế hoạch 2025			Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024			Tổng số	Trong đó:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chẩn bị đầu tư	Tổng số	Trong đó:							
														Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB	Chẩn bị đầu tư	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chẩn bị đầu tư	
7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22						
	TỔNG SỐ						10.611.005	5.045.776	2.792.538				1.773.546				988.000	58.000	8.805		
A	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT						2.613.635	2.084.518	203.883				42.029				170.000	58.000	500		
I	Đủ điều kiện phân bổ chi tiết						1.076.635	547.518	174.883				32.029				142.854	58.000	500		
1	Đường vành đai II (Nối tiếp từ khu TĐC Noong Bua đến khu TĐC Pú Tầu)	B	TP ĐBP		2015-2022	1333/QĐ-UBND 04/12/2015; 2051/QĐ-UBND 12/11/2021; 1386/QĐ-UBND 11/8/2022	550.000	90.883	30.883				20.000				10.883				
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, giao thông nội thị Khu vực Trung tâm chính trị hành chính tỉnh Điện Biên	B	TP ĐBP		-	1047/QĐ-UBND 16/6/2022	200.000	200.000	11.000				6.000				5.000				
3	Các hạng mục thuộc dự án tổng thể đầu tư xây dựng trung tâm thể dục thể thao tỉnh Điện Biên	B	TP ĐBP		2023-2025	2200/QĐ-UBND 01/12/2022	195.000	145.000	45.000				6.029				38.971				
4	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để đầu tư xây dựng trung tâm thể dục thể thao tỉnh Điện Biên	B			-	119/HĐND-KTNS ngày 12/6/2017; 575/QĐ-UBND ngày 18/7/2018	63.000	63.000	63.000								63.000	58.000		- Ứng quỹ PT đất 58.000trđ	
5	Sân vận động huyện Tuần Giáo	C				2046/QĐ-UBND 12/11/2024	44.500	24.500	24.500								24.500				
6	Di dời công trình hạ tầng kỹ thuật, giải phóng, tạo mặt bằng sạch phục vụ dự án tổng thể "Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê công mở rộng tỉnh Điện Biên"						24.135	24.135	500								500		500	Chẩn bị đầu tư	
II	Chưa đủ điều kiện giao vốn thực hiện dự án						1.537.000	1.537.000	29.000				10.000				27.146				
1	Xây dựng các tòa nhà trụ sở Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH - HĐND - UBND tỉnh	B	TP ĐBP		-		702.000	702.000	10.000				5.000							Chưa có QĐ đầu tư	
2	Xây dựng các tòa nhà trụ sở Ủy ban MTTQ Việt Nam, các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh	B	TP ĐBP		-		790.000	790.000	10.000				5.000							Chưa có QĐ đầu tư	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch 2025			Ghi chú	
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024				Tổng số	Trong đó:			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư	Tổng số	Trong đó:							
														Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư					
18	19	20	21																		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
3	Trại thực nghiệm và sản xuất giống thủy sản tỉnh Điện Biên						45.000	45.000	9.000												Chưa có QĐ đầu tư
B	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG				-		7.840.834	2.834.066	2.520.778					1.698.750			730.800			8.305	
I	Dự phòng (10%)				-		260.950	260.950	226.965					110.384			73.080				
1	Dự án: Xây dựng khu, điểm tái định cư Khu trung tâm hành chính chính trị tỉnh Điện Biên	B	TP ĐBP	508 lô đất TĐC	2023-2025	1054/QĐ-UBND 17/6/2022	210.000	210.000	210.000					104.384			62.115				Dự án triển khai chậm. Bố trí theo khả năng giải ngân
2	Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã thuộc Công an huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên	C				1381/QĐ-CAT-PH10 ngày 18/5/2024	12.000	12.000	4.000					1.500			2.500				
3	Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã thuộc Công an các huyện Điện Biên, Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên	C				1383/QĐ-CAT-PH10 ngày 18/5/2024	12.000	12.000	4.000					1.500			2.500				
4	Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã thuộc Công an các huyện Tủa Chùa, Tuần Giáo và Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	C				1382/QĐ-CAT-PH10 ngày 18/5/2024	14.950	14.950	4.965					1.500			3.465				
5	Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã thuộc Công an các huyện Mường Chà, Nậm Pồ và Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên	C				1384/QĐ-CAT-PH10 ngày 18/5/2024	12.000	12.000	4.000					1.500			2.500				
II	Bổ sung từ NSDP cấp tỉnh cho ngân sách cấp huyện quản lý				-				1.008.369					739.220			197.316				
1	Thành phố Điện Biên Phủ				-				106.921					78.382			20.922				
2	Huyện Điện Biên				-				130.113					95.384			25.460				
3	Huyện Tuần Giáo				-				125.336					91.882			24.526				
4	Huyện Điện Biên Đông				-				109.687					80.409			21.463				
5	Huyện Mường Ảng				-				82.506					60.484			16.145				
6	Huyện Mường Nhé				-				107.140					78.543			20.965				
7	Huyện Mường Chà				-				103.085					75.570			20.172				
8	Huyện Tủa Chùa				-				93.875					68.818			18.369				
9	Huyện Nậm Pồ				-				115.441					84.628			22.589				
10	Thị xã Mường Lay				-				34.265					25.120			6.705				
III	NSDP cấp tỉnh quản lý				-		7.579.884	2.573.116	1.285.444					849.146			460.404			8.305	
III.1	Trả phí vay, lãi vay, vay...				-				95.200					235.132			9.800				
1	Trả lãi vay				-																
2	Vay để trả nợ gốc				-												9.800				
III.2	Đối ứng các dự án ODA				-		2.839.665	536.153	146.328					102.640			43.688			2.705	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025				-		1.359.665	195.433	143.623					102.640			40.983				
1	Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Điện Biên	B			2014-2025	802/QĐ-UBND 22/10/2014; 660/QĐ-UBND 08/8/2018; 1740/QĐ-TTg 13/12/2019	1.199.000	180.000	128.190					93.467			34.723				

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025									Kế hoạch 2025			Ghi chú	
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024				Tổng số	Trong đó:				
									Trong đó:				Tổng số	Trong đó:				Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		
									Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB						Chuẩn bị đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
2	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn sử dụng vốn vay và viện trợ không hoàn lại của ADB trên địa bàn tỉnh Điện Biên	B			2021-2024	6689/QĐ-BYT 02/11/2018 3826/QĐ-BYT 28/6/2019	160.665	15.433	15.433					9.173				6.260				
(2)	Các dự án chuẩn bị đầu tư năm 2025						1.480.000	340.720	2.705								2.705			2.705		
1	Dự án phát triển nông thôn thích ứng thiên tai, tỉnh Điện Biên	B					1.480.000	340.720	2.705								2.705			2.705		
III.3	Các dự án trọng điểm của tỉnh				-		1.307.400	327.400	285.874					35.955			162.475					
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025				-		1.308.000	326.000	278.474					35.755			162.475					
1	Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục QL 279 và QL 12, tỉnh Điện Biên	B	TP ĐBP - huyện Điện Biên	35,35 km	2021-2024	984/QĐ-UBND 31/5/2021	1.300.000	320.000	278.474					35.755			162.475				Bổ trí theo khả năng giải ngân	
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2025						7.400	7.400	7.400					200								
1	Xây dựng điểm tái định cư số 1 mở rộng dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên	C	TP ĐBP		2025	1301/QĐ-UBND 22/7/2024	7.400	7.400	7.400					200							Chuyển GD 26-30	
III.4	Dự án phân theo ngành/lĩnh vực				-		3.432.819	1.709.563	758.042					475.419			244.441			5.600		
(1)	Ngành/lĩnh vực: Quốc phòng				-		20.100	20.100	11.536					6.000			4.000					
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024				-																	
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025				-		10.500	10.500	10.000					6.000			4.000					
1	Xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch cho khu vực Đoàn bộ Đoàn 379 và các hộ dân trên địa bàn đồng quân	C			-	646/QĐ-UBND 18/4/2023	10.500	10.500	10.000					6.000			4.000					
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2025						9.600	9.600	1.536													
1	Trận địa phòng không và các hạng mục bổ trợ của huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên	C				50/QĐ-UBND 18/4/2023	9.600	9.600	1.536												Chuyển GD 26-30	
(2)	Ngành/lĩnh vực: An ninh, trật tự, an toàn xã hội				-		128.352	69.450	2.200													
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024				-																	
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2025						128.352	69.450	2.200													
1	Trụ sở làm việc Công an các xã: Núa Ngam, Noong Het, Noong Luông, Thanh An thuộc huyện Điện Biên và Công an xã Chiềng Sơ thuộc huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên					2782/QĐ-CAT- PH10 5/10/2024	14.950	7.450	200												Chuyển GD 26-30	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KII đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch 2025			Ghi chú		
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024				Tổng số	Trong đó:				
							Tổng số (lật cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:								
										Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuyển bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuyển bị đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
2	Trụ sở làm việc Công an các xã: Rạng Đông, Nà Tông, Phình Sáng, Pú Nhung, Tênh Phông thuộc huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên					2787/QĐ-CAT-PH10 5/10/2024	14.950	7.450	200												Chuyển GD 26-30	
3	Trụ sở làm việc Công an các xã: Sá Tông, Huổi Lèng, Hừa Ngái, Huổi Mí thuộc huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên					2784/QĐ-CAT-PH10 5/10/2024	12.000	6.000	200												Chuyển GD 26-30	
4	Trụ sở làm việc Công an các xã: Chiềng Đông, Chiềng Sinh, Quải Cang, Quải Nua thuộc huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên					2789/QĐ-CAT-PH10 5/10/2024	12.000	6.000	200												Chuyển GD 26-30	
5	Trụ sở làm việc Công an các xã: Toả Tinh, Mường Khong, Nà Sáy, Mường Mùn, Pú Xi thuộc huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên					2788/QĐ-CAT-PH10 5/10/2024	14.950	7.450	200												Chuyển GD 26-30	
6	Trụ sở làm việc Công an xã Nậm Khẩn thuộc huyện Nậm Pồ, Công an xã Chung Chải thuộc huyện Mường Nhé và Công an các xã: Sín Chải, Lao Xá Phình thuộc huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên					2785/QĐ-CAT-PH10 5/10/2024	12.000	7.500	200												Chuyển GD 26-30	
7	Trụ sở làm việc công an xã Nà Nhạn thuộc thành phố Điện Biên Phủ, Công an xã Pú Hông thuộc huyện Điện Biên Đông và Công an các xã: Hẹ Muông, Sam Múm thuộc huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên					2781/QĐ-CAT-PH10 5/10/2024	12.402	6.000	200												Chuyển GD 26-30	
8	Trụ sở làm việc Công an các xã: Tả Phìn, Huổi Sô, Sính Phình, Trung Thu thuộc huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên					2786/QĐ-CAT-PH10 5/10/2024	12.000	6.000	200												Chuyển GD 26-30	
9	Trụ sở làm việc Công an các xã: Keo Lôm, Na Sơn, Noong U, Tia Dình, Xa Dung thuộc huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên					2783/QĐ-CAT-PH10 5/10/2024	14.950	7.450	200												Chuyển GD 26-30	
10	Xây dựng, cải tạo và sửa chữa Đội Cảnh sát PCCC và CNCH khu vực thị xã Mường Lay						1.500	1.500	200												Chưa có QĐ đầu tư	
11	Đầu tư mua sắm trang bị, phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho Công an tỉnh Điện Biên						6.650	6.650	200												Chưa có QĐ đầu tư	
(3)	Ngành/Tỉnh vực: Giáo dục đào tạo - GD nghề nghiệp				-		353.900	226.500	132.900					74.910				52.482			2.500	
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024				-																	
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025						179.400	112.000	111.800					69.910				39.982				

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025									Kế hoạch 2025			Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024			Tổng số	Trong đó:					
									TMDT			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				
													Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			Chuẩn bị đầu tư	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư	
7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22						
1	Xây dựng trường phổ thông DTBT tiểu học Chiềng Sơ, huyện Điện Biên Đông (giai đoạn 1)	C	ĐBB	12 phòng học+ 06 phòng bộ môn	2023-2025	2203/QĐ-UBND 02/12/2022	38.000	38.000	37.800				16.500				21.300				
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường THCS THPT Quyết Tiến, huyện Tủa Chùa	C	Tủa Chùa	08 phòng học+ 02 phòng bộ môn	2023-2025	1931/QĐ-UBND 17/10/2022	14.500	14.500	14.500				11.510				2.990				
3	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDNT THPT huyện Điện Biên	C	H Điện Biên	18 phòng nội trú + phụ trợ	2024-2025	1957/QĐ-UBND 30/11/2023	20.000	20.000	20.000				18.200				1.800				
4	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDNT THPT huyện Điện Biên Đông	C	ĐBB	10 phòng học+ 21 phòng nội trú	2023-2025	1922/QĐ-UBND 14/10/2022	14.500	14.500	14.500				10.700				3.800				
5	Sửa chữa, nâng cấp Trường Tiểu học Hà Nội - Điện Biên Phủ	B	TP ĐBP		2023-2025	302/QĐ-UBND 28/02/2023	70.000	5.000	5.000								5.000				Đổi ứng vốn hỗ trợ TP Hà Nội
6	Xây dựng trường PTDT bán trú tiểu học xã Mường Đùn, huyện Tủa Chùa	C	Tủa Chùa	10 phòng học+ 14 phòng nội trú	2023-2025	3227/QĐ-UBND 14/12/2021	22.400	20.000	20.000				13.000				5.092				Thanh toán dứt điểm theo nhu cầu của CBT
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025						50.000	15.000	15.000				5.000				10.000				
1	Xây dựng nhà lớp học 7 tầng + Thư viện Trường Chính trị tỉnh Điện Biên	B			2024-2026	1971/QĐ-UBND 3/12/2023	50.000	15.000	15.000				5.000				10.000				
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2025				-		50.000	40.000	3.600												
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Trường THCS Thanh Bình, thành phố Điện Biên Phủ	C			2024-2026	2123/QĐ-UBND 22/12/2023	14.950	12.450	1.000												Chuyển GD 26-30
2	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Trường mầm non số 2 xã Pá Khoang	C			2024-2026	2122/QĐ-UBND 22/12/2023	14.900	12.400	1.000												Chuyển GD 26-30
3	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ	C			2024-2026	2200/QĐ-UBND 29/12/2023	9.000	6.500	800												Chuyển GD 26-30
4	Cải tạo, nâng cấp Trường mầm non Sơn Ca, thành phố Điện Biên Phủ	C			2024-2026	2199/QĐ-UBND 29/12/2023	11.150	8.650	800												Chuyển GD 26-30
(5)	Các dự án chuẩn bị đầu tư năm 2025						74.500	59.500	2.500								2.500			2.500	
1	Cải tạo, nâng cấp trường THCS xã Thanh Chấn, huyện Điện Biên	C					14.900	11.900	500								500			500	CBDT
2	Cải tạo, nâng cấp trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học số 2 xã Na Tông, huyện Điện Biên	C					14.900	11.900	500								500			500	CBDT
3	Cải tạo, nâng cấp trường THCS xã Thanh Lương, huyện Điện Biên	C					14.900	11.900	500								500			500	CBDT
4	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non số 2 Na Tông, huyện Điện Biên	C					14.900	11.900	500								500			500	CBDT

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025									Kế hoạch 2025			Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024			Tổng số	Trong đó:					
									TMĐT			Trong đó:				Trong đó:					
									Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024				-																
(8)	Ngành/lĩnh vực: Thể dục thể thao				-		30.000	15.000	15.000					7.000			8.000				
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025				-		30.000	15.000	15.000					7.000			8.000				
1	Sân vận động huyện Điện Biên	C	H Điện Biên	2091 chỗ ngồi	2023-2025	1863/QĐ-UBND 06/10/2022	30.000	15.000	15.000					7.000			8.000				
(9)	Ngành/lĩnh vực: Bảo vệ môi trường				-																
(10)	Ngành/lĩnh vực: Các hoạt động kinh tế				-		2.347.567	1.130.429	393.551					250.991			124.610			2.400	
10.1	Nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				-		439.816	266.916	172.174					96.160			76.014				
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024				-		60.000	60.000	49.974					48.210			1.764				
1	Thủy lợi Năm Pô xã Nà Hỳ, huyện Mường Nhé (nay là huyện Năm Pô)	B	Năm Pô		2019-2023	1119/QĐ-UBND 30/10/2019; 92/QĐ-UBND 18/01/2022	60.000	60.000	49.974					48.210			1.764				
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025				-		379.816	206.916	122.200					47.950			74.230				
1	Hệ thống kênh nội đồng công trình hồ Năm Ngám - Pú Nhi, huyện Điện Biên Đông	C	ĐBD	Tuổi 251 ha lúa và 287 ha hoa màu	2023-2025	863/QĐ-UBND 28/5/2021	30.000	30.000	26.800					12.000			14.800				
2	Kè chống sạt lở khu dân cư, đất sản xuất xã Búng Lao, huyện Mường Ảng	C	Mường Ảng	Kè 1346m	2023-2025	865/QĐ-UBND 28/5/2021	39.800	39.800	35.600					12.000			23.600				
3	Kè chống sạt lở suối Huổi Luông, thôn bản Hột, xã Mường Đun, huyện Tủa Chùa	C	Tủa Chùa	Kè 3034m	2023-2025	864/QĐ-UBND 28/5/2021	30.000	30.000	26.800					12.000			14.800				
4	Công trình thủy lợi Năm Khẩu Hù, xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên (hợp phần thủy lợi)	B	H Điện Biên		2023-2025	1327/QĐ-UBND 29/12/2017	273.016	100.116	26.000					9.950			16.050				
5	Thủy lợi khu khối 7, 8 và bản Co Có xã Ảng Tở, huyện Mường Ảng	C	Mường Ảng		2024-2025	1047/QĐ-UBND 3/7/2023	7.000	7.000	7.000					2.000			5.000				
10.2	Công nghiệp				-																
10.3	Giao thông				-		1.714.261	694.873	99.642					84.336			7.656			2.400	
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024				-		690.000	40.292	25.292					20.936			4.356				
1	Dự án Đường Na Sang Km146+200/QL12) - TT. xã Huổi Mi - Năm Mức (Km452+300/QL6) - Thị trấn Tủa Chùa - Huổi Lóng, tỉnh Điện Biên (Phần đoạn Thị trấn Tủa Chùa - Năm Mức - Huổi Mi)					591/QĐ-UBND 29/6/2017; 1267/QĐ-UBND, 11/12/2019	690.000	40.292	25.292					20.936			4.356				

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch 2025			Ghi chú		
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024				Tổng số	Trong đó:				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuyển bị đầu tư	Tổng số	Trong đó:								
														Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuyển bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Chuyển bị đầu tư	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025						74.000	63.100	63.100					62.200				900				
1	Cầu bê tông qua ngã ba suối dưới bản Sen Thượng xã Sen Thượng, huyện Mường Nhé	C	Mường Nhé	Cầu 114m	2023-2025	642/QĐ-UBND 08/4/2022	35.000	24.100	24.100					24.000				100				
2	Cầu Nà Khoa, huyện Nậm Pồ	C	Nậm Pồ	Cầu 109m	2023-2025	2180/QĐ-UBND 25/11/2022	39.000	39.000	39.000					38.200				800				
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2025						135.000	135.000	4.850					1.000								
1	Nâng cấp tuyến đường từ bản Sen Thượng - Pa Ma - Lò San Chải, huyện Mường Nhé	B			-		115.000	115.000	1.850					500								Chưa có QĐ đầu tư
2	Nâng cấp đường giao thông QL6 - bản Xã Phình 1+2, xã Sá Tổng, huyện Mường Chà	C			-		20.000	20.000	3.000					500								Chưa có QĐ đầu tư
(4)	Các dự án chuẩn bị đầu tư năm 2025						815.261	456.481	6.400					200				2.400			2.400	
1	Cải tạo, nâng cấp đường từ ngã ba bệnh viện tỉnh đến ngã tư Tà Lèng (Đoạn từ nút N20 đến trung tâm xã Tà Lèng), TP ĐBP	C			-		25.000	25.000	1.000					200				200			200	CBĐT
3	Đường giao thông bản Hàng Mùa Lừ kết nối với trục đường đến trung tâm xã Sá Tổng, huyện Mường Chà						39.900	34.900	1.900									500			500	CBĐT
4	Đường nối thị giai đoạn 3 huyện Điện Biên						39.900	36.900	1.500									500			500	CBĐT
5	Nâng cấp đường giao thông từ bản Nậm Pồ - bản Huổi Ha, xã Na Sang						14.900	11.900	1.000									200			200	CBĐT
6	Cải tạo, nâng cấp đoạn tuyến quy hoạch Quốc lộ 12D, tỉnh Điện Biên						695.561	347.781	1.000									1.000			1.000	CBĐT
10.4	Khu công nghiệp, khu kinh tế																					
10.5	Thương mại						14.500	14.500	5.000					1.000				4.000				
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025						14.500	14.500	5.000					1.000				4.000				
1	Nâng cấp chợ trung tâm huyện Mường Ảng					1203/QĐ-UBND 02/7/2024	14.500	14.500	5.000					1.000				4.000				
10.6	Cấp thoát nước						14.500	14.500	11.795					7.795				4.000				
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025						14.500	14.500	11.795					7.795				4.000				
1	Xây dựng hệ thống cấp nước bổ sung của Nhà máy nước huyện Tủa Chùa	C	Tủa Chùa	Cấp nước cho 8.500 người	2022-2024	2064/QĐ-UBND 18/11/2021	14.500	14.500	11.795					7.795				4.000				Dự án giảm quy mô, bố trí dứt điểm
10.7	Kho tàng																					
10.8	Du lịch																					
10.9	Đưu chính, viễn thông																					
10.10	Công nghệ thông tin						17.000	17.000	17.000					8.700				8.000				
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025						17.000	17.000	17.000					8.700				8.000				

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch 2025			Ghi chú	
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024				Tổng số	Trong đó:			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư	Tổng số	Trong đó:							
														Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư					
18	19	20	21																		
1	Dự án số hóa tài liệu lưu trữ lịch sử tỉnh Điện Biên	C	TP ĐBP		2023-2025	2154/QĐ-UBND 24/11/2022	17.000	17.000	17.000					8.700				8.000			
10.11	Quy hoạch				-																
10.12	Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật				-		147.490	122.640	87.940					53.000				24.940			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025				-		102.500	87.640	77.940					53.000				24.940			
1	Kè bảo vệ khu dân cư và các công trình hạ tầng kỹ thuật trung tâm huyện lỵ Năm Pô	C	Nậm Pô	Kè 738m	-	859/QĐ-UBND 28/5/2021	39.800	39.800	30.600					12.000				18.600			
2	Kè bảo vệ khu dân cư và công trình hạ tầng kỹ thuật suối Tin Tộc thị trấn Mường Ảng (giai đoạn II)	C	Mường Ảng	Kè 820m	2022-2024	1705/QĐ-UBND 17/9/2021	39.800	31.840	31.640					31.000				640			
3	Nâng cấp, sửa chữa rãnh thoát nước, vỉa hè đường Nguyễn Chí Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ	C	TP ĐBP	1,4 km	2023-2025	2204/QĐ-UBND 02/12/2022	14.900	10.000	9.800					6.000				3.800			
4	Đường bê tông, rãnh thoát nước, sân vui chơi tổ dân phố 10, 11 phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ.	C	TP ĐBP	0,4 km	2023-2025	3388/QĐ-UBND 31/12/2021	8.000	6.000	5.900					4.000				1.900			
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2025						44.990	35.000	10.000												
1	Khu dân cư cụm III trung tâm huyện lỵ huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	C			-		14.990	5.000	5.000												Chưa có QĐ đầu tư
2	Mở rộng nghĩa trang nhân dân C1, xã Thanh Lương, huyện Điện Biên	C					30.000	30.000	5.000												Chưa có QĐ đầu tư
10.13	Cấp vốn điều lệ cho NHCS; hỗ trợ DN đầu tư vào NN nông thôn; hỗ trợ DNNVV; hỗ trợ HTX				-																
(11)	Ngành/ lĩnh vực: Hoạt động của cơ quan QLNN				-		135.200	81.955	56.188					47.000				2.500			200
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024				-		44.600	29.355	29.300					28.000				1.300			
1	Trung tâm hội nghị - văn hóa huyện Mường Ảng	C	Mường Ảng	300 chỗ	2021-2023	1791/QĐ-UBND 01/10/2021; 927/QĐ-UBND 07/6/2023	44.600	29.355	29.300					28.000				1.300			
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025						55.000	20.000	20.000					19.000				1.000			
1	Hỗ trợ xây dựng trụ sở làm việc và công trình phụ trợ Hội Cựu chiến binh tỉnh	C	TP ĐBP		2023-2025	2037/QĐ-UBND 04/11/2022	55.000	20.000	20.000					19.000				1.000			
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2025	C			-		24.600	24.600	6.000												
1	Dự án: Trụ sở Ban quản lý Di tích tỉnh Điện Biên	C			-	1227/QĐ-UBND 04/8/2023	14.600	14.600	3.000												Chuyển GD 26-30

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch 2025			Ghi chú	
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024				Tổng số	Trong đó:			
									IMĐT				Trong đó:					Trong đó:			
									Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Chuẩn bị đầu tư
7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22						
2	Dự án: Trụ sở Phòng giáo dục và đào tạo thành phố Điện Biên Phủ	C			-	1226/QĐ-UBND 04/8/2023	10.000	10.000	3.000												Chuyển GD 26-30
(4)	Các dự án chuẩn bị đầu tư năm 2025						11.000	8.000	888									200		200	
1	Trụ sở làm việc Ban quản lý dự án các công trình huyện Điện Biên	C					11.000	8.000	888									200		200	
(12)	Ngành/lĩnh vực: Xã hội																				
(13)	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật						232.003	87.127	82.067					52.500				29.567			
*	Đất ứng, lồng ghép Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới						89.003	39.800	35.600					16.000				19.600			
1	Nâng cấp đường liên xã từ QL279 Thanh An - Noong Hẹt - Sam Múm huyện Điện Biên	C	H.Điện Biên	6,1km	2023-2025	308/QĐ-UBND ngày 28/02/2023	16.000	4.800	4.800									4.800			
2	Nâng cấp đường liên xã từ QL12 vào xã Thanh Chân - Thanh Yên huyện Điện Biên	C	H.Điện Biên	2,2km	2023-2025	2209/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	17.703	5.311	5.311									5.311			
3	Kiên cố kênh tưới tiêu từ thôn Văn Tân xã Noong Hẹt đến bản Na Vai, xã Pom Lót, huyện Điện Biên	C	H.Điện Biên	5546,5m	2023-2025	2006/QĐ-UBND ngày 01/11/2022	15.500	4.650	4.650									4.650			
4	Kè bảo vệ khu dân cư, đất sản xuất và công trình công cộng suối Năm Cò, huyện Điện Biên	C				841/QĐ-UBND ngày 24/8/2020	39.800	25.039	20.839					16.000				4.839			
*	Lồng ghép Chương trình MTQG FTKTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi						143.000	47.327	46.467					36.500				9.967			
1	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDINT tỉnh Điện Biên	B	TP DBP			1678/QĐ-UBND 14/9/2021	80.000	26.868	26.868					20.000				6.868			Lồng ghép thực hiện CTMTQG 88
2	Cầu, đường từ khu trung tâm huyện sang khu tái định cư và Trường PTDINT THPT Nậm Pồ, huyện Nậm Pồ					Số 1715/QĐ-UBND ngày 18/9/2022	35.000	6.459	6.459					4.500				1.959			Lồng ghép thực hiện CTMTQG 88
3	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế huyện Điện Biên Đông	C	H.ĐBĐ			Quyết định số 1123/QĐ-UBND ngày 30/6/2022	28.000	14.000	13.140					12.000				1.140			Lồng ghép thực hiện CTMTQG 88
C	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG																55.200				
D	VỐN XÓ SỔ KIẾN THIẾT						156.536	127.192	67.877					32.767				32.000			
I	Ngành/lĩnh vực: Giáo dục đào tạo - GD nghề nghiệp						75.836	62.477	29.311					20.242				7.640			
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024						35.900	27.117	21.887					20.242				1.471			
1	Bổ sung, nâng cấp trường THCS xã Nà Tấu					3206/QĐ-UBND 10/12/2021	14.900	6.117	887									887			TT dứt điểm

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025									Kế hoạch 2025			Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024			Tổng số	Trong đó:					
									TMDT			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				
									Tổng số	Thu hút các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Chuẩn bị đầu tư	Thu hút các khoản vốn ứng trước			Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
2	Xây dựng Nhà thực hành nghề phi nông nghiệp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên	C	TP ĐBP			2050/QĐ-UBND 12/11/2021	3.000	3.000	3.000					2.800				95			Đã Quyết toán còn thiếu 95tr
3	Bổ sung cơ sở vật chất trường CĐ Sư phạm	C	TP ĐBP		2023-2025	2058/QĐ-UBND 09/11/2022	8.000	8.000	8.000					7.842				109			TT dứt điểm
4	Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất thực hành nghề, trường Cao đẳng Nghề	C	TP ĐBP		2023-2025	2146/QĐ-UBND 22/11/2022	10.000	10.000	10.000					9.600				380			
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025						10.000	5.424	5.424									5.169			
1	Cải tạo, sửa chữa khu giảng đường và hạng mục phụ trợ Trường Cao đẳng kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên	C			-	1882/QĐ-UBND 20/11/2023	10.000	5.424	5.424									5.169			LG CTMT GNBV
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2025						29.936	29.936	2.000									1.000			
1	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	C				1993/QĐ-UBND 6/11/2024	14.986	14.986	1.000									1.000			
2	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ	C				2066/QĐ-UBND 14/11/2024	14.950	14.950	1.000												
II	Ngành/lĩnh vực: Y tế				-		45.200	29.215	24.379					11.925				11.600			
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024				-																
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025						45.200	29.215	24.379					11.925				11.600			
1	Nâng cấp, sửa chữa 4 trạm y tế xã Chiềng Sinh, Nà Sáy, Quài Nưa, Tạ Ma huyện Tuần Giáo	C	Tuần Giáo	CTSC	2023-2025	2036/QĐ-UBND 04/11/2022	7.600	7.600	7.600					3.334				4.000			
2	Nâng cấp, sửa chữa 4 trạm y tế xã Ngòi Cáy, Ảng Nưa, Mường Đàng, Mường Lan huyện Mường Ảng	C	Mường Ảng	CT, SC, HMPT	2023-2025	1921/QĐ-UBND 14/10/2022	7.600	7.600	7.600					3.781				3.600			
3	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Mường Nhé	C			-	1124/QĐ-UBND 30/6/2022	30.000	14.015	9.179					4.810				4.000			Lồng ghép vào CTMTQG Dân tộc thiểu số
III	Các nhiệm vụ trọng tâm thuộc CTMTQG xây dựng nông thôn mới				-		27.500	27.500	13.800					600				12.760			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025						13.000	13.000	13.000					600				11.960			
1	Đường giao thông bản Hả, xã Pá Khoang, thành phố Điện Biên Phủ	C	TP Điện Biên Phủ	1.477,56m	2024-2025	724/QĐ-UBND 11/04/2024	4.500	4.500	4.500					200				4.150			
2	Đường giao thông bản Kéo, xã Pá Khoang, thành phố Điện Biên Phủ	C	TP Điện Biên Phủ	1.714,35m	2024-2025	719/QĐ-UBND 10/04/2024	4.950	4.950	4.950					200				4.600			
3	Đường giao thông bản Bó, xã Pá Khoang, thành phố Điện Biên Phủ	C	TP Điện Biên Phủ	1.660,54m	2024-2025	718/QĐ-UBND 10/04/2024	3.550	3.550	3.550					200				3.210			
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025						14.500	14.500	800									800			

